| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM TRỰC**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2023.
V/v: "Ly hôn giữa anh C và chị T"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Xuân Chỉnh

Bà Trần Thị Hải Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1975*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

***Bị đơn:*** Chị Đoàn Thị T; Sinh năm: 1976*(Vắng mặt)*

Nơi ĐKNKTT: Xóm Đ, thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Thôn Bì, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Đoàn Thị T kết hôn vào năm 1996, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến

nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Đoàn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 29/11/1997 và Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự lập. Vì vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 03/7/2023, bị đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Hồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, anh Cđề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, chị nhất trí. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 29/11/1997 và Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự lập. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C và Chị Đoàn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C, chị Đoàn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T kết hôn vào ngày 27 tháng 01 năm 1997, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh Cxác định tình cảm vợ chồng giữa anh và anh Thủy không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, chị T nhất trí. Điều đó, chứng tỏ anh chị không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa. anh Cvà chị T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C đối với chị Đoàn Thị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn C,sinh ngày 29/11/1997 và Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự lập, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Chính, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14*

*quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0000530 ngày 16/6/2023.

3.Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Mạnh Cường**

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA huyện Nam Trực;*
- *UBND xã N;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP*